

SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGHỀ NUÔI CÁ LÓC Ở VIỆT NAM

1. GIỚI THIỆU

Nghề nuôi cá lóc ở Đồng bằng sông Cửu Long phát triển nhanh giai đoạn 2006-2016 với tốc độ tăng 3,4 lần về diện tích và 4,6 lần về sản lượng. Tuy nhiên, sự liên kết trong khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá lóc giữa các bên liên như người cung cấp yếu tố đầu vào và dịch vụ hỗ trợ, người nuôi cá lóc, nhà quản lý các cấp, nhà khoa học cũng như các nhóm tiêu thụ sản phẩm cá lóc chưa thật sự ổn định. Chính vì thế, thị trường đầu ra của cá lóc thương phẩm khá biến động và tác động đến sự phát triển nghề nuôi cá lóc. Điều này cho thấy những chính sách để phát triển bền vững cho nghề nuôi cá lóc cần được thiết lập.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua thảo luận lấy ý kiến các bên về nuôi cá lóc với thành phần tham gia là người nuôi cá lóc; nhóm hỗ trợ đầu vào (sản xuất và ương giống, đại lý thức ăn và thuốc thủy sản); nhóm tác nhân hỗ trợ đầu ra (thương lái, các cơ sở chế biến mắm và khô) cùng với các cán bộ quản lý ngành, nhà nghiên cứu khoa học, chính sách và tổ chức phi chính phủ (NGOs). Địa điểm được tổ chức ở tỉnh An Giang, Trà Vinh và Thành phố Cần Thơ với số người tham gia là 45 người/địa điểm. Bên cạnh đó dữ liệu nghiên cứu còn được tổng hợp từ báo cáo hằng năm của Chi cục Thủy sản các tỉnh nuôi cá lóc trọng điểm, các bài báo khoa học được công bố thuộc Dự án Aquafish từ trước tới nay.



Phương pháp tổng hợp và so sánh số liệu và thông tin về hiệu quả sản xuất và chính sách phát triển bền vững từ các nghiên cứu được công bố kết hợp với thảo luận nhóm được tổ chức lấy ý kiến các bên.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

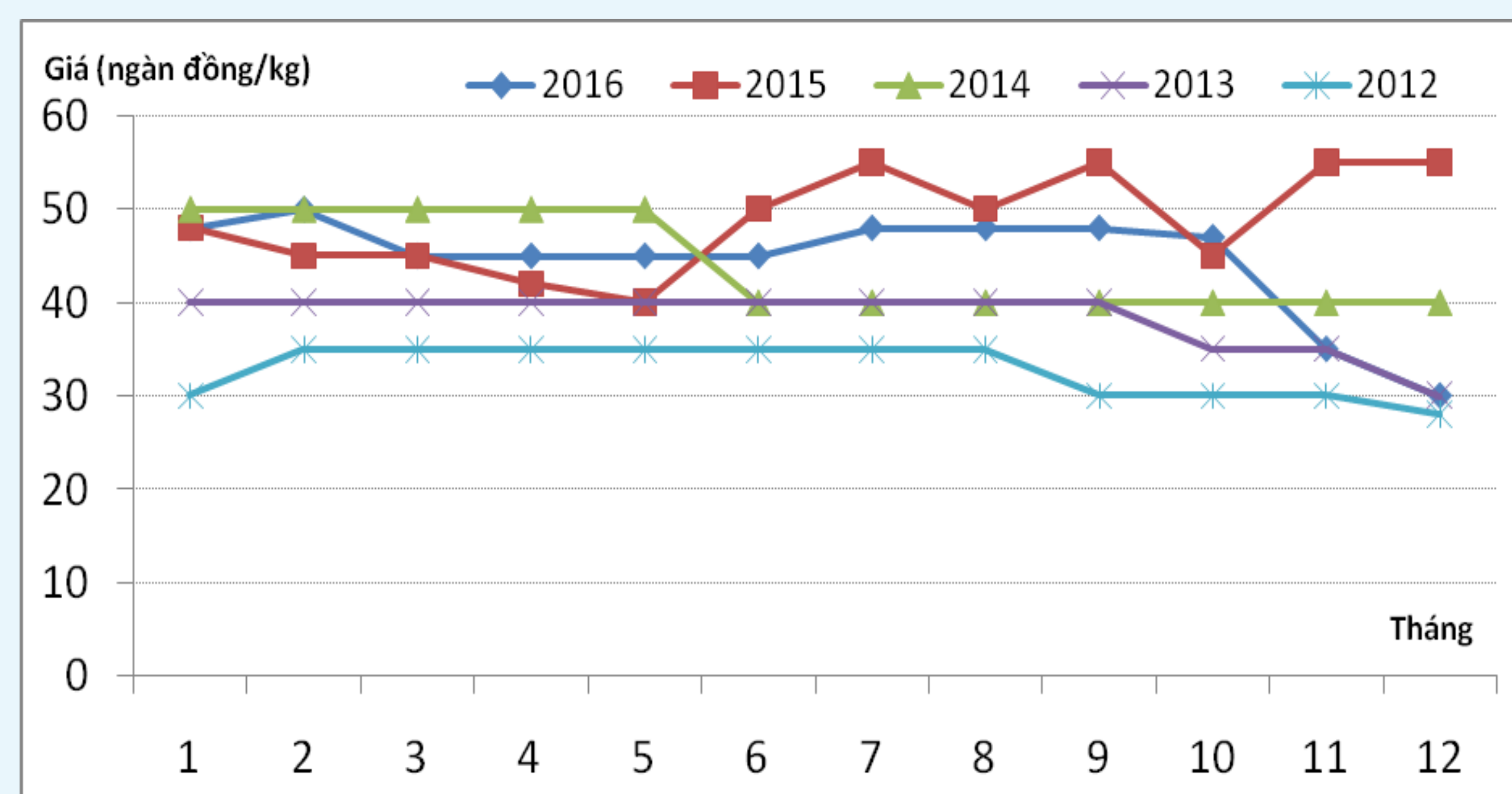
3.1. Phân tích chi phí và lợi nhuận của mô hình nuôi cá lóc

Hiệu quả nuôi cá lóc theo các mô hình nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long được trình bày Bảng 1:

Bảng 1: Phân tích chi phí và lợi nhuận của các mô hình nuôi cá lóc

Diễn giải	Ao đất (n1=70)	Vèo ao (n2=30)	Vèo sông (n3=60)	Bể bạt (n4=35)	Lồng bè (n5=?)
Diện tích (m ³ /hộ)	3861	61,5	56	36,7	56
Mật độ (con/m ³)	22	94,2	129	85,8	100
FCR thức ăn viên	1,26	1,32	1,42	1,31	-
FCR thức ăn cá tạp	-	3,9	4,2	-	4
N.suất/m ³ /vụ (kg)	16,2	29,2	32,5	27,6	131,2
Chi phí/vụ (1.000đ/m ³ /vụ)	471,4	896,4	955,5	891,5	4893
Giá bán/kg (1000đ)	29,9	31,8	30,3	35,8	40
Giá thành/kg (1000đ)	29,1	30,7	29,4	32,3	37,3
Thu nhập (1.000đ/m ³ /vụ)	484,4	928,6	984,8	988,1	5247
Lợi nhuận(1.000đ/m ³ /vụ)	13	32,1	29,3	96,6	354,5
Lợi nhuận (1.000đ/kg))	0,8	1,1	0,9	3,5	2,7
Tỷ suất LN (%)	2,7	3,6	3,1	10,8	7,2
Tỷ lệ thua lỗ (%)	55,7	43,3	20,8	20	-

Kết quả tổng hợp cho thấy nuôi với qui mô vừa và nhỏ (bể bạt, vèo ao, vèo sông) mang lại hiệu quả cao và phù hợp hơn với điều kiện của hộ nuôi so với nuôi với qui mô lớn (nuôi ao đất).



Hình 1: Giá cá lóc thương phẩm trên thị trường

Giá cá lóc thương phẩm trên thị trường giai đoạn 2012-2016 khá biến động, đặc biệt giá cá vào năm 2015 (Hình 1).

3.2. Thách thức của ngành hàng cá lóc ở ĐBSCL

- Thứ nhất là thị trường đầu ra cá lóc thương phẩm biến động và có rất nhiều sản phẩm thay thế. Đồng thời, thông tin về cung và cầu sản phẩm cá lóc vẫn còn hạn chế cũng như sự cạnh tranh với các nước có nuôi cá lóc.
- Thứ hai là dịch bệnh trong nuôi cá lóc thường xuất hiện và khó kiểm soát, trong khi đó con giống nuôi có xu hướng phát triển chậm.
- Thứ ba là môi trường nước có xu hướng xấu, chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá lóc chưa được đầu tư hiệu quả.

3.3. Giải pháp phát triển bền vững nghề nuôi cá lóc

Phát triển bền vững ngành nuôi cá lóc ở Đồng bằng sông Cửu Long cần chú ý các vấn đề như sau:

Bảng 2: Các giải pháp phát triển bền vững ngành nuôi cá lóc ở ĐBSCL

Các khía cạnh	Các giải pháp phát triển bền vững
1. Sản xuất con giống (Cá bố mẹ, ương, chất lượng)	Cần cải thiện đàn cá bố mẹ trong tương lai.
2. Mô hình sản xuất	Sản xuất với qui mô vừa và nhỏ nhằm đảm bảo giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cá lóc.
3. Kỹ thuật sản xuất	Cần qui trình nuôi đạt chuẩn như chuẩn VietGAP.
4. Thức ăn	Chưa có thức ăn riêng cho cá lóc.
5. Lao động	Đã có kinh nghiệm nhưng cần tập huấn về cách phòng và trị bệnh.
6. Dịch bệnh	Bệnh có xu hướng khó điều trị hơn, đặc biệt là bệnh trắng mình trên cá.
7. Thị trường	Chưa có sự liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nên giá cá thiếu ổn định..
8. Chế biến sản phẩm	Còn hạn chế về chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng.
9. Chính sách	Cần có qui hoạch vùng nuôi, sản xuất tập trung và xây dựng thương hiệu cá lóc.

4. KẾT LUẬN

Phát triển bền vững nghề nuôi cá lóc ở Đồng bằng sông Cửu Long cần có sự phối hợp hài hòa giữa các khía cạnh kỹ thuật, thị trường, chính sách và cơ sở vật chất. Trong khi đó để phát triển nghề nuôi cá lóc bền vững hơn nên chú ý phát triển mô hình qui mô vừa và nhỏ, qui hoạch vùng nuôi gắn với nhu cầu thị trường cũng như quan tâm mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ gắn với xây dựng thương hiệu..

LỜI CẢM ƠN

Kết quả nghiên cứu này được tài trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ USAID, số tài trợ EPP-A-00-06-00012-00 thông qua tổ chức AquaFish Innovation Lab hợp tác với Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ.